|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2024-2025****Môn: ĐỊA LÍ: Lớp 12** |

**NỘI DUNG 1: CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ**

**I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1:** Cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay

**A.** có nhiều thành phần khác nhau. **B.** chưa chuyển dịch ở các khu vực.

**C.** chưa phân hóa theo không gian. **D.** có tốc độ chuyển dịch rất nhanh.

**Câu 2:** Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

**A.** giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt.**B.** tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp.

**C.** giảm chế biến, tăng việc khai khoáng.**D.** tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp.

**Câu 3:** Việc phát huy thế mạnh của từng vùng trong tổ chức lãnh thổ kinh tế **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Đa dạng hóa thành phần kinh tế. **B.** Tăng cường hội nhập với thế giới.

**C.** Đẩy mạnh phát triển kinh tế. **D.** Phân hóa sản xuất giữa các vùng.

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây **không** thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta?

**A.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**B.** Phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.

**C.** Xuất hiện các ngành công nghiệp trọng điểm.

**D.** Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.

**Câu 5:** Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững thể hiện ở

**A.** tốc độ tăng trưởng cao và bảo vệ môi trường.

**B.** cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch hợp lí.

**C.** nhịp độ tăng trưởng cao và có cơ cấu kinh tế hợp lí.

**D.** nhịp độ tăng trưởng cao và ổn định.

**Câu 6:** Việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta hiện nay

**A.** đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. **B.** đang theo hướng công nghiệp hóa.

**C.** làm tăng cao tỉ trọng nông nghiệp. **D.** làm hạ thấp tỉ trọng công nghiệp.

**Câu 7:** Việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** tạo sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài. **B.** đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.

**C.** giải quyết việc làm cho lao động. **D.** thúc đẩy sự phân công lao động.

**Câu 8:** Xu hướng giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp trong ngành trồng trọt nhằm

**A.** tạo ra nhiều loại sản phẩm để phục vụ xuất khẩu.

**B.** tận dụng được nguồn lao động có chất lượng cao.

**C.** chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa.

**D.** phát huy những lợi thế về đất đai, nước, khí hậu.

**Câu 9:** Ý nghĩa chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay là

**A.** tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp. **B.** tăng vai trò kinh tế nhà nước.

**C.** đẩy mạnh phát triển kinh tế. **D.** thúc đẩy xuất khẩu lao động.

**Câu 10:** Xu hướng phát triển ngành công nghiệp ở nước ta hiện nay là

**A.** liên tục giảm tỉ trọng trong cơ cấu GDP.

**B.** chú trọng nhóm công nghiệp khai thác.

**C.** tăng tỉ trọng nhóm công nghiệp chế biến.

**D.** tăng các loại sản phẩm chất lượng thấp.

**Câu 11:** Ở khu vực I, tỉ trọng ngành chăn nuôi đang tăng phản ánh xu hướng tích cực của quá trình

**A.** chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

**B.** phát triển kinh tế nhiều thành phần.

**C.** đẩy mạnh việc liên doanh và hợp tác quốc tế.

**D.** mở cửa hội nhập với các nước trên thế giới.

**Câu 12:** Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay

**A.** không có ở ven biển. **B.** đều khắp ở các vùng.

**C.** tập trung ở miền núi. **D.** có sự phân hóa.

**Câu 13:** Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta chuyển biến rõ rệt chủ yếu do

**A.** lao động dồi dào và tăng hàng năm. **B.** chuyển sang nền kinh tế thị trường.

**C.** tăng trưởng kinh tế gần đây nhanh. **D.** thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.

**Câu 14:** Công nghiệp sản xuất, chế biến lương thực của nước ta phân bố chủ yếu dựa vào

**A.** giao thông vận tải, phân bố dân cư.**B.** thị trường tiêu thụ, nguồn lao động.

**C.** vùng nguyên liệu, cơ sở năng lượng.**D.** thị trường tiêu thụ, vùng nguyên liệu.

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây đúng với chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế ở nước ta hiện nay?

**A.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

**B.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**C.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

**D.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**Câu 16:** Cơ cấu ngành công nghiệp đang chuyển dịch theo hướng

**A.** tăng tỉ trọng khai thác, sản phẩm trung bình.

**B.** chuyên môn hóa sản phẩm, cạnh tranh về giá.

**C.** đa dạng hóa sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.

**D.** giảm tỉ trọng chế biến, sản phẩm chất lượng cao.

**Câu 17:** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp nước ta, tỉ trọng thay đổi theo xu hướng

**A.** tăng chăn nuôi, giảm trồng trọt. **B.** giảm chăn nuôi, tăng trồng trọt.

**C.** tăng chăn nuôi, tăng trồng trọt. **D.** giảm chăn nuôi, giảm trồng trọt.

**Câu 18:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

**A.** phân bố đồng đều tại khắp các vùng.

**B.** chú trọng ngành ứng dụng công nghệ cao.

**C.** giảm tối đa sở hữu ngoài Nhà nước.

**D.** tập trung nhiều cho việc khai khoáng.

**Câu 19:** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực công nghiệp - xây dựng ở nước ta **không** diễn ra theo xu hướng nào sau đây?

**A.** Tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao.

**B.** Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến.

**C.** Giảm sản phẩm không đáp ứng yêu cầu thị trường.

**D.** Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thị trường.

**Câu 20:** Thành phần kinh tế nhà nước có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay là do

**A.** chi phối hoạt động của tất cả các ngành kinh tế.

**B.** nắm giữ các ngành kinh tế then chốt của quốc gia.

**C.** có số lượng doanh nghiệp lớn nhất trong cả nước.

**D.** chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP cả nước.

**II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

**Câu 1. Cho thông tin, chọn đúng sai cho mỗi ý a), b), c), d):**

Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững không chỉ đòi hỏi nhịp độ phát triển cao mà quan trọng hơn là phải có cơ cấu hợp lí giữa các ngành, các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ.

Cơ cấu kinh tế của Việt Nam đang chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

a) Cơ cấu kinh tế của Việt Nam có sự chuyển dịch đồng thời cả về cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần và cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

b) Cơ cấu ngành kinh tế nước ta chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

 c) Cơ cấu thành phần kinh tế chủ yếu tập trung phát triển khu vực kinh tế Nhà nước

d) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế làm tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập.

**Câu 2. Cho bảng số liệu sau, chọn đúng sai cho mỗi ý a), b), c), d):**

**CƠ CẤU GDP Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 15,4 | 14,5 | 12,7 | 12,6 |
| Công nghiệp – xây dựng | 33,0 | 34,3 | 36,7 | 37,5 |
| Dịch vụ | 40,6 | 42,2 | 41,8 | 41,2 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 11,0 | 9,0 | 8,8 | 8,7 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2016, 2022)*

a) Tỉ trọng khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản giảm liên tục.

b) Tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng liên tục và cao nhất.

c) Tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng tăng liên tục.

d) Cơ cấu GDP nước ta chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

**Câu 3:** **Cho bảng số liệu sau, chọn đúng sai cho mỗi ý a), b), c), d):**

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC**

**KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Khu vực** | **2012** | **2015** | **2020** | **2021** |
| **Tổng số** | **4073,8** | **5191,3** | **8044,4** | **8479,7** |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 659,9 | 751,4 | 1018 | 1065,1 |
| Công nghiệp và xây dựng | 1460,9 | 1778,9 | 2955,8 | 3177,9 |
| Dịch vụ | 1593,6 | 2190,4 | 3365,1 | 3494,3 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 359,4 | 470,6 | 705,5 | 742,4 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

a) Giá trị của tất cả các khu vực kinh tế đều tăng.

b) Công nghiệp và xây dựng tăng nhanh hơn dịch vụ.

c) Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng ít hơn dịch vụ.

d) Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhanh hơn dịch vụ.

**Câu 4:** **Cho biểu đồ sau, chọn đúng sai cho mỗi ý a), b), c), d):**

****

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO

KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2015 VÀ 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

a)Dịch vụ tăng nhiều hơn Nông, lâm nghiệp và thủy sản.

b)Công nghiệp và xây dựng tăng chậm hơn Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm.

c)Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhanh hơn công nghiệp và xây dựng.

d)Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng nhiều hơn Dịch vụ.

**III.** **CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN**

**Cho bảng số liệu sau, trả lời các câu hỏi từ 4 đến 8**

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO KHU VỰC**

**KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012 - 2021**

*(Đơn vị: Nghìn tỷ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm****Khu vực** | **2012** | **2015** | **2020** | **2021** |
| **Tổng số** | **4073,8** | **5191,3** | **8044,4** | **8479,7** |
| Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 659,9 | 751,4 | 1018 | 1065,1 |
| Công nghiệp và xây dựng | 1460,9 | 1778,9 | 2955,8 | 3177,9 |
| Dịch vụ | 1593,6 | 2190,4 | 3365,1 | 3494,3 |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 359,4 | 470,6 | 705,5 | 742,4 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

**Câu 1:** Tính tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm trong nước năm 2021 so với năm 2012, lấy năm 2012 bằng 100% (Làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

**Câu 2:** Năm 2021, giá trị của khu vực công nghiệp – xây dựng tăng mấy lần so với giá trị năm 2012? (Làm tròn kết quả đến 1 số thập phân)

**Câu 3:** Năm 2021, giá trị của khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng giá trị sản phẩm trong nước? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 4:** Năm 2021, giá trị sản phẩm khu vực dịch vụ cao gấp mấy lần gía trị khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản?

**Câu 5:** So với năm 2012, tỉ trọng của khu vực dịch trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước năm 2021 cao hơn bao nhiêu % (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 6: Cho bảng số liệu:**

QUY MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1978 – 2020

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2012** | **2015** | **2020** | **2021** |
| GDP *(nghìn tỉ đồng)* | **4073,8** | **5191,3** | **8044,4** | **8479,7** |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết quy mô GDP năm 2021 gấp bao nhiêu lần quy mô GDP năm 2012? (Lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)

**Câu 7:** Năm 2021, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản nước ta là 2125,2 nghìn tỉ đồng trong đó nông nghiệp chiếm 70,7%. Tính giá trị sản xuất của nông nghiệp (Lấy kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 8.** Năm 2021 dân số nước ta là 98,5 triệu người, GDP là 8479,7 nghìn tỉ đồng. Tính GDP bình quân đầu người của nước ta (Làm tròn đến hàng đơn vị của triệu đồng)

**NỘI DUNG II:**

**ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN VIỆT NAM**

**I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1:** Tỉ trọng giá trị sản xuất cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta có xu hướng tăng do

**A.** dân cư có truyền thống sản xuất. **B.** có nhiều điều kiện thuận lợi.

**C.** mang lại hiệu quả kinh tế cao. **D.** có tác dụng trong việc bảo vệ môi trường.

**Câu 2:** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn của nước ta chủ yếu là do

**A.** thị trường tiêu thụ lớn, lao động có kinh nghiệm.

**B.** lao động có kinh nghiệm, dịch vụ thú y đảm bảo.

**C.** dịch vụ thú y đảm bảo, nguồn thức ăn phong phú.

**D.** nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ lớn.

**Câu 3:** Ngành thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** đánh bắt thủy sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao.

**B.** chất lượng thương phẩm, năng suất lao động cao.

**C.** sản lượng thủy sản đánh bắt nhiều hơn nuôi trồng.

**D.** bước phát triển đột phá, tỉ trọng ngày càng cao.

**Câu 4:** Trong những năm qua, sản lượng lương thực của nước ta tăng lên chủ yếu là do

**A.** đẩy mạnh phát triển thủy lợi. **B.** đẩy mạnh khai hoang phục hóa.

**C.** tăng diện tích canh tác. **D.** tăng năng suất cây trồng.

**Câu 5:** Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

**A.** công nghiệp chế biến còn nhiều hạn chế.

**B.** thị trường tiêu thụ có nhiều biến động.

**C.** khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư thấp.

**D.** trình độ lao động chưa đáp ứng yêu cầu.

**Câu 6:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho chăn nuôi lợn và gia cầm tập trung nhiều ở các đồng bằng lớn ở nước ta?

**A.** Có nhiều mặt bằng để tập trung chuồng trại.

**B.** Nhu cầu thịt, trứng của người dân lớn.

**C.** Cơ sở thức ăn được đảm bảo tốt.

**D.** Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến thịt.

**Câu 7:** Khó khăn chính ảnh hưởng đến việc phát triển cây ăn quả ở nước ta hiện nay là

**A.** chưa tạo được thương hiệu sản phẩm. **B.** thị trường tiêu thụ nhiều biến động.

**C.** chưa đầu tư công nghiệp chế biến. **D.** cơ cấu sản phẩm còn kém đa dạng.

**Câu 8:** Sản lượng lúa của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu là do

**A.** đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất. **B.** đa dạng hóa nông nghiệp.

**C.** đẩy mạnh công nghiệp chế biến. **D.** tăng diện tích lúa mùa.

**Câu 9:** Ngành chăn nuôi lợn ở nước ta tập trung ở những vùng

**A.** trọng điểm lương thực và đông dân. **B.** có mật độ dân số cao.

**C.** ven biển có nghề cá phát triển. **D.** có điều kiện khí hậu ổn định.

**Câu 10:** Đàn gia cầm ở nước ta có xu hướng không ngừng tăng lên chủ yếu là do

**A.** chính sách phát triển chăn nuôi của Nhà nước.

**B.** dịch vụ thú y được chú trọng phát triển hơn.

**C.** nhu cầu thịt, trứng tiêu dùng ngày càng tăng.

**D.** có nguồn thức ăn dồi dào từ ngành trồng trọt.

**Câu 11:** Sản xuất cây công nghiệp nước ta hiện nay

**A.** phân bố đồng đều khắp cả nước. **B.** tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

**C.** có nhiều nông sản xuất khẩu. **D.** chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.

**Câu 12:** Yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển cây công nghiệp ở nước ta trong những năm gần đây là

**A.** thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.

**B.** lao động có kinh nghiệm trong sản xuất.

**C.** điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**D.** tiến bộ của khoa học - kĩ thuật.

**Câu 13.** Vùng nào sau đây ở nước ta đứng đầu về diện tích và sản lượng lúa?

**A**. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 14.** Ngư trường trọng điểm nằm ngoài khơi xa của vùng biển nước ta là

**A.** Cà Mau - Kiên Giang. **B.** Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa.

**C.** Ninh Thuận - Bình Thuận **D.** Hải Phòng - Quảng Ninh.

**Câu 15.** Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn nhất về các loại công nghiệp lâu năm nào sau đây?

**A.** Chè, tiêu, điều. **B.** Cà phê, cao su. **C.** Cao su, bông. **D.** Cao su, hồ tiêu.

**Câu 16.** Tỉnh nào sau đây ở vùng sinh thái nông nghiệp Tây Nguyên có diện tích chè lớn nhất?

**A.** Đắk Nông. **B.** Đắk Lắk. **C.** Lâm Đồng. **D.** Kon Tum.

**Câu 17:** Nguyên nhân chủ yếu làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cây công nghiệp ở nước ta hiện nay là

**A.** phương thức sản xuất còn lạc hậu.

**B.** sử dụng vật tư trong sản xuất còn ít.

**C.** giống cây công nghiệp chất lượng thấp.

**D.** cơ sở chế biến nguyên liệu còn hạn chế.

**Câu 18:** Cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta hiện nay

**A.** giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây công nghiệp.

**B.** cây công lâu năm, cây ăn quả luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

**C.** cây ăn quả và cây thực phẩm chiếm tỉ trọng lớn, tăng nhanh.

**D.** giảm tỉ trọng cây công nghiệp, tăng tỉ trọng cây lương thực.

**Câu 19:** Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

**A.** tập trung đầu tư nhiều hơn cho cây hàng năm.

**B.** tăng chất lượng sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

**C.** phát triển mạnh ở khắp các vùng trên cả nước.

**D.** các vùng đều có công nghệ chế biến hiện đại.

**Câu 20:** Để đảm bảo an ninh về lương thực đối với một nước đông dân như Việt Nam, biện pháp quan trọng nhất là

**A.** cải tạo đất mới bồi ở các vùng cửa sông. **B.** tiến hành cơ giới hóa, thủy lợi hóa.

**C.** đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **D.** khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 21:** Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt là

**A.** có các vịnh biển và đảo ven bờ. **B.** mạng lưới sông dày và nhiều hồ.

**C.** các cửa sông rộng và ở gần nhau. **D.** nhiều bãi triều rộng và đầm phá.

**Câu 22:** Hoạt động chế biến gỗ và lâm sản nước ta hiện nay

**A.** hoàn toàn do các xưởng gỗ tư nhân thực hiện.

**B.** chỉ tập trung vào khai thác tre luồng và nứa.

**C.** chủ yếu cung cấp nguồn gỗ củi, than củi.

**D.** phát triển công nghiệp bột giấy và giấy.

**Câu 23:** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản là

**A.** vùng biển có hải sản phong phú, có nhiều loại đặc sản.

**B.** ở một số hải đảo có các rạn đá là nơi tập trung các thủy sản có giá trị.

**C.** dọc bờ biển có bãi triều đầm phá, các cánh rừng ngập mặn.

**D.** bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế nước ta rộng.

**Câu 24:** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

**A.** Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt.

**B.** Hoạt động của gió mùa Đông Bắc trên biển.

**C.** Môi trường biển và hải đảo ô nhiễn.

**D.** Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới.

**Câu 25:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng đánh bắt thủy sản ở nước ta hiện nay là

**A.** đẩy mạnh tìm kiếm ngư trường mới. **B.** trang bị kiến thức mới cho ngư dân.

**C.** đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại. **D.** mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản.

**Câu 26:** Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì

**A.** nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến.

**B.** rừng có giá trị lớn về kinh tế và môi trường.

**C.** diện tích đồi núi nhiều, có rừng ngập mặn ven biển.

**D.** độ che phủ rừng tương đối lớn, tăng nhanh.

**Câu 27:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu phát triển ở sông suối. **B.** có đối tượng nuôi trồng đa dạng.

**C.** chỉ tập trung nuôi tôm. **D.** tỉ trọng có xu hướng giảm chậm.

**Câu 28:** Nước ta có điều kiện tự nhiên nào để có thể phát triển ngành khai thác thủy sản?

**A.** bờ biển dài, ngư trường trọng điểm. **B.** nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt.

**C.** phương tiện đánh bắt hiện đại. **D.** nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ.

**Câu 29:** Ngành thủy sản nước ta hiện nay

**A.** nhu cầu thị trường tăng nhanh. **B.** nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ trọng lớn.

**C.** diện tích nuôi trồng suy giảm. **D.** tập trung hầu hết ở vùng ven biển.

**Câu 30:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất thủy sản của nước ta hiện nay?

**A.** Phương tiện sản xuất được đầu tư. **B.** Sản phẩm qua chế biến càng nhiều.

**C.** Đánh bắt ở ven bờ được chú trọng. **D.** Diện tích nuôi trồng được mở rộng.

**Câu 31:** Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là

**A.** cung cấp gỗ và lâm sản quý. **B.** tạo sự đa dạng sinh học.

**C.** điều hoà nguồn nước của các sông. **D.** điều hoà khí hậu, chắn gió bão.

**Câu 32:** Vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản ở nước ta là

**A.** đẩy mạnh chế biến, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

**B.** tăng cường giao đất, giao rừng cho người dân.

**C.** tích cực ngăn chặn nạn chặt phá rừng tự nhiên.

**D.** khai thác thật hợp lí đi đôi với trồng mới rừng.

**Câu 33:** Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do

**A.** phá rừng để mở rông diện tích đất trồng trọt.

**B.** phá rừng để khai thác gỗ, củi và lâm sản khác.

**C.** phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

**D.** ô nhiễm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.

**Câu 34:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

**A.** Nhu cầu khác nhau của các thị trường.

**B.** Diện tích mặt nước được mở rộng thêm.

**C.** Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

**D.** Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở.

**Câu 35:** Điều kiện thuận lợi nhất cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là có nhiều

**A.** bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn.

**B.** đầm phá, các ô trũng ở đồng bằng và ao hồ.

**C.** sông suối, kênh rạch, ô trũng ở đồng bằng.

**D.** cửa sông rộng và các mặt nước ở đồng ruộng.

**Câu 36:** Khai thác thủy sản của nước ta hiện nay

**A.** tập trung hầu hết quanh các đảo nhỏ. **B.** sử dụng hoàn toàn thiết bị hiện đại.

**C.** chỉ đánh bắt để phục vụ xuất khẩu. **D.** có nhiều sản phẩm được xuất khẩu.

**Câu 37:** Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với khai thác thủy sản là có

**A.** các ngư trường lớn, nhiều sinh vật. **B.** vùng biển rộng, nhiều đảo ven bờ.

**C.** rừng ngập mặn, các bãi triều rộng. **D.** đường bờ biển dài, nhiều bãi biển.

**Câu 38:** Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản nước ta thay đổi theo hướng

**A.** tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn ổn định.

**B.** tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn biến động.

**C.** tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng.

**D.** giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng.

**Câu 39:** Điều kiện thuận lợi đối với nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở nước ta là

**A.** có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. **B.** khí hậu và thời tiết ổn định, ít thiên tai.

**C.** có nhiều cửa sông, bãi triều, đầm phá. **D.** có các ngư trường lớn ở ngoài khơi xa.

**Câu 40 :** Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Có vùng biển nông, ngư trường rộng.

**B.** Trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

**C.** Có nhiều cơ sở công nghiệp chế biến nông sản hiện đại.

**D.** Sản xuất hoa và rau là hướng chuyên môn hoá của vùng.

**Câu 41:** Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Tây Nguyên?

**A.** Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**B.** Địa hình chủ yếu là đồi núi và khí hậu có mùa đông lạnh.

**C.** Có các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản hiện đại.

**D.** Trồng và phát triển cây công nghiệp lâu năm ưa nhiệt.

**Câu 42:** Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Có đường bờ biển dài và ngư trường cá lớn.

**B.** Người dân có nhiều kinh nghiệm thâm canh lúa nước.

**C.** Hạn hán xảy ra nghiêm trọng vào nửa sau mùa đông.

**D.** Trồng và phát triển rau, cây ăn quả nhiệt đới.

**Câu 43:** Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng nông nghiệp Bắc Trung Bộ?

**A.** Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**B.** Địa hình chủ yếu là đồi núi và khí hậu có mùa đông lạnh.

**C.** Có các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản hiện đại.

**D.** Thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như bão, lũ,….

**Câu 44:** Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nào sau đây có quy mô tương đối lớn mà tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu (trừ đất đai) của một người chủ độc lập?

**A.** Trang trại. **B.** Hộ gia đình.

**C.** Vùng chuyên canh. **D.** Vùng nông nghiệp.

**Câu 45:** Hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp cao nhất là

**A.** Trang trại. **B.** Hộ gia đình.

**C.** Vùng chuyên canh. **D.** Vùng nông nghiệp.

**Câu 46:** Các trang trại nông nghiệp ở nước ta đang được phát triển theo hướng nào sau đây?

**A.** Đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm để tận dụng tài nguyên.

**B.** Tập trung vào những cây, con đặc thù có giá trị kinh tế cao.

**C.** Chủ yếu phát triển các trang trại chăn nuôi ở miền núi.

**D.** Chủ yếu phát triển các trang trại trồng trọt ở đồng bằng.

**Câu 47:** Xu hướng chủ yếu trong phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp ở nước ta hiện nay **không phải** là

**A.** đẩy mạnh đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm để tận dụng tài nguyên.

**B.** tăng cường sử dụng máy móc, vật tư, áp dụng công nghệ hiện đại.

**C.** tập trung phát triển một hoặc một vài cây trồng, vật nuôi phù hợp.

**D.** nâng cao trình độ và chuyên môn hóa của đội ngũ lao động.

**Câu 48:** Đàn thủy cầm (vịt) được nuôi nhiều nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu do có

**A.** thị trường tiêu thụ, công nghiệp chế biến phát triển.

**B.** diện tích mặt nước lớn, nguồn thức ăn dồi dào.

**C.** thị trường tiêu thụ lớn, nguồn thức ăn dồi dào.

**D**. công nghiệp chế biến phát triển, thức ăn dồi dào

**Câu 49:** Cay công nghiệp và cây dược liệu cận nhiệt phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu do vùng này có

**A.** thị trường tiêu thụ rộng, lao động đông.

**B.** lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng hiện đại.

**C.** địa hình đồi núi, khí hậu có mùa đông lạnh.

**D.** địa hình đồi núi, nguồn nước dồi dào.

**Câu 50:** Ý nghĩa lớn nhất của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến ở nước ta là

**A.** khai thác tốt tiềm năng đất đai, khí hậu mỗi vùng.

**B.** giải quyết việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**C.** tạo thêm nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao.

**D.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành.

**II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

**Câu 1: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

Việt Nam có thể hoàn toàn thực hiện khát vọng phát triển đất nước hung cường, thịnh vượng. Để trở thánh nước công nghiệp, xét tiềm lực cơ sở vật chất nhân lực và quản trị xã hội của Việt Nam, chúng ta cần lấy điểm tựa cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từ nông nghiệp; công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết là cho nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đó mới là gốc, là sức mạnh nội sinh của chúng ta!

a) Nông nghiệp là ngành có vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu kinh tế của nước ta.

b) Ngành nông nghiệp nước ta đang phát triển nhanh nhờ có nhiều điều kiện thuận lợi.

c) Muốn thực hiện công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước thì bắt buộc phải hiện đại hóa nông nghiệp trước tiên.

d) Phát triển nông nghiệp, nông thôn là điểm tựa quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

**Câu 2: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

Thủy sản là một trong những thế mạnh của Việt Nam. Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung, ngành thủy sản nước ta đã có những bước phát triển đột phá trong thời gian gần đây. Theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt gần 3,6 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó các sản phẩm chính là tôm, cá ngừ, cá tả, bạch tuộc, mực,….

a) Việt Nam có vùng biển rộng, nguồn lợi hải sản phong phú nên ngành thủy sản phát triển mạnh.

b) Ngành đánh bắt thủy sản phát triển nhanh hơn nuôi trồng nhờ người dân có nhiều kinh nghiệm và thị trường tiêu thụ rộng.

c) Nhờ áp dụng công nghệ hiện đại đem lại năng suất, chất lượng cao, truy xuất được nguồn gốc nên thị trường của thủy sản nước ta đang ngày càng mở rộng.

d) Mục tiêu của ngành thủy sản nước ta là hướng tới phát triển bền vững gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

**Câu 3: Cho bảng số liệu, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

SỐ LƯỢNG TRÂU, BÒ VÀ GIA CẦM Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

*(Đơn vị: triệu con)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Năm** **Vật nuôi** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Trâu  | 2,9 | 2,6 | 2,3 |
| Bò  | 5,9 | 5,7 | 6,4 |
| Gia cầm | 301,9 | 369,5 | 524,1 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

a) Số lượng các loại vật nuôi đều tăng qua các năm.

b) Đàn gia cầm tăng mạnh và liên tục qua các năm.

c) Đàn bò có số lượng tăng mạnh nhất trong các vật nuôi.

d) Đàn trâu giảm mạnh và liên tục qua các năm.

**Câu 4: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

Kinh tế trang trại hiện nay đang có sự chuyển biến rõ rệt với việc chuyển đổi hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường. Sản xuất kinh doanh của trang trại đã áp dụng khoa học kỹ thuật và các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và thu nhập của nông dân, tạo ra giá trị sản lượng lớn cho thị trường trong và xuất khẩu ra nước ngoài; nhiều trang trại đã chủ động được giống và sản xuất cung ứng cho bà con nông dân trong vùng.

a) Mô hình trang trại phát triển gắn liền với sự phát triển của nền nông nghiệp hàng hóa.

b) Số lượng trang trại ở nước ta đang giảm nhưng quy mô các trang trại ngày càng lớn.

c) Số lượng và cơ cấu trang trại của nước ta đang thay đổi gắn với xu hướng chuyển dịch ngành nông nghiệp.

d)Trong trang trại, tất cả tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu của 1 người chủ độc lập, có thuê nhân công.

**Câu 5: Cho bảng số liệu, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010- 2021

(Đon vị: triệu tấn)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Sản lượng khai thác | 2,5 | **3,2** | 3,9 |
| Sản lượng nuôi trồng | 2,7 | **3,5** | 4,9 |
| **Tổng sản lượng** | **5,2** | **6,7** | **8,8** |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

a) Sản lượng khai thác, nuôi trồng và tổng sản lượng thủy sản đều tăng liên tục.

b) Năm 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng gấp 1,35 lần sản lượng thủy sản khai thác.

c) Sản lượng khai thác tăng do đầu tư phương tiện, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

d) Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác do tính chủ động trong sản xuất và tiêu thụ.

**Câu 6: Cho biểu đồ về đàn bò của Trung du và miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên qua các năm, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**



*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

a) Biểu đồ thể hiện quy mô số lượng đàn bò của Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

b) Chăn nuôi bò đều là sản phẩm chuyên môn hóa trong chăn nuôi của 2 vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

c) Bò được nuôi ở Trung du miền núi Bắc Bộ nhiều hơn Tây Nguyên do có nhiều thuận lợi hơn.

d) Đàn bò ở Trung du miền núi Bắc Bộ tăng nhanh hơn ở Tây Nguyên do trình độ chăn nuôi cao hơn.

**Câu 7: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

Lâm nghiệp là ngành sản xuất vật chất độc lập của [nền kinh tế](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%E1%BB%81n_kinh_t%E1%BA%BF) quốc dân có chức năng xây dựng [rừng](https://vi.wikipedia.org/wiki/R%E1%BB%ABng), [quản lý](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3n_l%C3%BD) bảo vệ rừng, khai thác lợi dụng rừng, chế biến [lâm sản](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2m_s%E1%BA%A3n) và phát huy các chức năng phòng hộ văn hóa, xã hội,... của rừng.

a) Lâm nghiệp có vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

b) Phát triển lâm nghiệp cần gắn liền với việc quản lí, sử dụng và phát triển tài nguyên rừng bền vững.

c) Nước ta có nhiều thuận lợi để phát triển nhưng lâm nghiệp vẫn chưa được chú trọng ở nhiều vùng.

d) Nhờ tăng cường quản lí, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại nên giá trị sản xuất lâm nghiệp của nước ta đang tăng rõ rệt.

**Câu 8: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho mỗi ý a, b, c, d sau đây:**

Sản xuất nông nghiệp theo phương thức cũ khiến nông nghiệp tạo ra khí carbon, hiệu ứng nhà kính gây ra biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu lại tác động ngược lại nền nông nghiệp. Hiệu ứng hai chiều này chỉ có nền nông nghiệp xanh mới hóa giải được.

a) Phát triển nông nghiệp xanh là xu thế tập trung ở các nước có nền kinh tế phát triển.

b) Phát triển nông nghiệp xanh là hướng phát triển hạn chế tối đa tác động vào môi trường tự nhiên.

c) Phát triển nông nghiệp xanh hướng tới tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường.

d) Việt Nam đang có nhiều cơ hội trong việc thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh.

**III. CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN**

**Cho bảng số liệu:**

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2021**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Diện tích (nghìn ha) | 7666.3 | 7329.2 | 7489.4 | 7828.0 | 7540.9 | 7278.9 | 7238.9 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 32529.5 | 35832.9 | 40005.6 | 45091.0 | 44046.0 | 42764.8 | 43852.6 |

**Dựa vào bảng số liệu, trả lời câu hỏi 1,2,3,4**

**Câu 1:** Năng suất lúa nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha?( Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 2:** Tốc độ tăng trưởng diện tích lúa năm 2021 so với năm 2000 là bao nhiêu %; coi diện tích lúa năm 2000 là 100% (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 3:** Sản lượng lúa năm 2021 tăng gấp mấy lần sản lượng lúa năm 2000? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 4:** Năng suất lúa năm 2021 tăng gấp mấy lần năng suất lúa năm 2000? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai)

**Cho bảng số liệu:**

**DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP HÀNG NĂM VÀ LÂU NĂM Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

**(Đơn vị: nghìn ha)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2020** | **2021** |
| Cây hàng năm | 797.6 | 676.8 | 565.6 | 457.8 | 425.9 |
| Cây lâu năm | 2010.5 | 2154.5 | 2212.5 | 2185.8 | 2200.2 |

**Dựa vào bảng số liệu, trả lời các câu hỏi 5,6,7.**

**Câu 5:** Năm 2021, diện tích cây công nghiệp lâu năm chiếm tỉ lệ bao nhiêu % trong tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp cả nước? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 6:** Năm 2021, diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng gấp mấy lần diện tích cây công nghiệp lâu năm năm 2010? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 7:** Năm 2021, diện tích cây công nghiệp lâu năm gấp mấy lần diện tích cây công nghiệp hàng năm? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai)

**Câu 8:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Lúa | 7570,9 | 7469,9 | 7278,9 | 7238,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022*

Cho biết diện tích lúa năm 2021 giảm bao nhiêu lần so với diện tích lúa năm 2018 (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ 2)

**NỘI DUNG 3: ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay đang chuyển dịch theo hướng

**A.** giảm tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng.

**B.** giảm nhanh tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

**C.** hạn chế phát triển các ngành đòi hỏi lao động chất lượng cao.

**D.** tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp khai khoáng đang có xu hướng tăng.

**Câu 2:** Trong cơ cấu công nghiệp theo thành phần của nước ta hiện nay, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đang chuyển dịch theo xu hướng

 **A.** Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặc biệt là đối với an ninh quốc phòng.

 **B.** Tập trung phát triển các ngành công nghiệp đòi hỏi công nghệ cao, giá trị tăng nhanh, tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu

**C.** Phát triển các ngành công nghiệp dựa vào tiềm năng và lợi thế trong nước, đặc biệt là nguồn lao động phổ thông.

**D.** Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đặc biệt là gắn với tài nguyên của quốc gia.

**Câu 3:** Vùng dẫn đầu cả nước về tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta hiện nay là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 4:** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

**A.** Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.

**B.** Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.

**C.** Sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp ngày càng mạnh.

**D.** Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.

**Câu 5:** Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục tiêu chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.

**B.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

**C.** Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**D.** Tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

**Câu 6:** Tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của nước ta trong những năm vừa qua tăng vì

**A.** đây là ngành công nghiệp trọng điểm được ưu tiên đi trước.

**B.** thích nghi với tình hình mới và hội nhập vào thị trường thế giới.

**C.** tăng về giá trị sản xuất song chậm hơn các ngành công nghiệp khác.

**D.** đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và có tốc độ tăng trưởng nhanh.

**Câu 7:** Ý nghĩa chủ yếu nhất của việc thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển công nghiệp ở nước ta là

**A.** giải quyết vấn đề thất nghiệp, thiếu việc đang gay gắt.

**B.** tăng nguồn hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.

**C.** hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành công nghiệp

**D.** tăng tích lũy vốn cho nền kinh tế ở các giai đoạn tiếp theo.

**Câu 8:** Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp nước ta?

**A.** Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ.

**B.** Tập trung vào phát triển nhiều ngành sản xuất khác nhau.

**C.** Gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

**D.** Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

**Câu 9:** Để thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lí hiện đại trong công nghiệp, cần phát huy hiệu quả vai trò của

**A.** Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

**B.** Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.

**D.** Các khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

**Câu 10:** Ngành công nghiệp nào sau đây ở nước ta có sự đòi hỏicao hơn về trình độ nguồn lao động?

**A.** Khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên. **B.** Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính.

**C.** Sản xuất, chế biến thực phẩm. **D.** Dệt, sản xuất trang phục.

**Câu 11.** Than đá tập trung chủ yếu ở

**A.** Đông Bắc. **B.** Tây Bắc. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 12.** Mỏ dầu được khai thác đầu tiên ở nước ta là

**A.** Hồng Ngọc. **B.** Rạng Đông. **C.** Rồng. **D.** Bạch Hổ.

**Câu 13.** Các nhà máy nhiệt điện chạy dầu và khí ở nước ta phân bố chủ yếu ở

**A.** miền nam. **B.** miền bắc. **C.** miền trung **D.** khắp nơi.

**Câu 14.** Tỉnh nào sau đây có các nhà máy điện mặt trời lớn hiện nay?

**A.** Quảng Bình. **B.** Hải Dương. **C.** Ninh Thuận. **D.** Thanh Hóa.

**Câu 15.** Các vùng nào sau đây ở nước ta tập trung nhiều khu công nghiệp?

**A.** Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

**B.** Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**D.** Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

**Câu 16:** Thế mạnh lớn nhất của ngành công nghiệp dệt, sản xuất trang phục ở nước ta là

**A.** vốn đầu tư không nhiều và sử dụng nhiều lao động nữ.

**B.** hệ thống máy móc không cần hiện đại và chi phí thấp.

**C.** nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**D.** truyền thống từ lâu đời với kinh nghiệm rất phong phú.

**Câu 18:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay?

**A.** Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.

**B.** Nguồn lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn.

**C.** Thu hút được nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài,

**D.** Các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**Câu 19:** Ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống ở nước ta hiện nay

**A.** là ngành công nghiệp mới, dựa vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

**B.** phát triển mạnh nhất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.

**C.** sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước, chưa tạo ra mặt hàng xuất khẩu

**D.** ưu tiên chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thuỷ sản chủ lực, có tính cạnh tranh cao.

**Câu 20:** Ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển công nghiệp nhiệt điện ở nước ta là

**A.** giải quyết tốt hơn nhu cầu năng lượng và vấn đề việc làm.

**B.** giải quyết nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống.

**C.** tăng nhanh GDP và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên.

**D.** sử dụng hợp lí tài nguyên, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa.

**Câu 21:** Hình thức tổ chức lãnh thổ nào sau đây **không** được xem tương đương với một khu công nghiệp?

**A.** Khu chế xuất. **B.** Khu công nghiệp sinh thái.

**C.** Khu kinh tế ven biển. **D.** Khu công nghiệp hỗ trợ.

**Câu 22:** Các khu công nghiệp ở nước ta

**A.** có số lượng ổn định. **B.** phân bố không đồng đều.

**C.** tập trung ở đồng bằng. **D.** tập trung ở ven biển.

**Câu 23:** Khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay

**A.** có ranh giới địa lí xác định. **B.** phân bố đều khắp cả nước.

**C.** chỉ sản xuất hàng xuất khẩu. **D.** có nhiều dân cư sinh sống.

**Câu 24:** Khu chế xuất ở nước ta hiện nay

**A.** chỉ có ngành công nghệ cao. **B.** phân bố đều khắp cả nước.

**C.** chỉ sản xuất hàng xuất khẩu. **D.** có nhiều dân cư sinh sống.

**Câu 25:** Khu công nghiệp có đặc điểm là

**A.** thường gắn liền với một đô thị vừa hoặc lớn, đông dân.

**B.** có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**D.** ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**Câu 26:** Phát biểu nào sau đây đúng với đặc điểm của một trung tâm công nghiệp?

**A.** Thường gắn liền với một đô thị có quy mô vừa hoặc lớn.

**B.** Có phân định ranh giới rõ ràng, không có dân cư sinh sống.

**C.** Ranh giới mang tính quy ước, không gian lãnh thổ khá lớn.

**D.** Thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

**Câu 27:** Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở nước ta là

**A.** sản xuất để phục vụ tiêu dùng.

**B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** đẩy mạnh sự phân hóa lãnh thổ công nghiệp.

**D.** tạo sự hợp tác giữa các ngành công nghiệp.

**Câu 28:** “Nơi tập trung, liên kết hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao. Ươm tạo công nghệ cao,…” là đặc điểm nổi bật của hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nào?

**A.** Khu chế xuất. **B.** Khu công nghệ cao.

**C.** Khu công nghiệp sinh thái. **D.** Khu công nghiệp hỗ trợ.

**Câu 29:** Yếu tố nào sau đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến mức độ tập trung công nghiệp cao ở một số vùng lãnh thổ nước ta?

**A.** Vị trí địa lí thuận lợi. **B.** Dân số tăng nhanh.

**C.** Kết cấu hạ tầng tốt. **D.** Thị trường tiêu thụ rộng.

**Câu 30:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

 *(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Nhà nước | 67 678 | 133 081 | 165 548 | 184202 | 190412 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 7 333 | 12 613 | 19713 | 24100 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 17 535 | 13 432 | 23508 | 20898 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2015 và 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Tròn.

**Câu 31:** Giải pháp phát triển tổng hợp thế mạnh của các vùng trọng điểm công nghiệp (Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng) ở nước ta là

**A.** nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ lao động.

**B.** đầu tư khoa học, phát triển kinh tế theo chiều sâu.

**C.** tăng cường các biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** đẩy mạnh khai thác tất cả nguồn tài nguyên vốn có.

**Câu 32:** Các trung tâm công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển dựa trên điều kiện

**A.** giàu có về nguồn nguyên liệu, khoáng sản.

**B.** vị trí tiếp giáp với miền nam Trung Quốc.

**C.** cơ sở hạ tầng đầu tư tương đối hoàn thiện.

**D.** lao động có kinh nghiệm trong sản xuất.

**Câu 33:** Ý nghĩa chủ yếu nhất của việc thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển công nghiệp ở nước ta là

**A.** giải quyết vấn đề thất nghiệp, thiếu việc đang gay gắt.

**B.** tăng nguồn hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.

**C.** hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật cho ngành công nghiệp

**D.** tăng tích lũy vốn cho nền kinh tế ở các giai đoạn tiếp theo.

**Câu 34:** Yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta hiện nay là

**A.** nguồn tài nguyên thiên nhiên. **B.** nguồn nhân lực trình độ cao.

**C.** vị trí địa lý, thị trường tiêu thụ. **D.** sự đồng bộ của các điều kiện.

**Câu 35:** Đông Nam Bộ trở thành vùng dẫn đầu cả nước về hoạt động công nghiệp nhờ

**A.** giàu có nhất nước về nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**B.** có dân số đông, lao động dồi dào và có trình độ tay nghề cao.

**C.** khai thác một cách có hiệu quả các thế mạnh vốn có.

**D.** có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước.

**Câu 36:** Sản phẩm nào sau đây ở nước ta **không** thuộc ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu?

**A.** Than đá. **B.** Khí đốt. **C.** Quặng sắt. **D.** Dầu mỏ.

**Câu 37:** Đường mía là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến sản phẩm

**A.** trồng trọt. **B.** thủy, hải sản. **C.** chăn nuôi. **D.** năng lượng.

**Câu 38:** Công nghiệp xay xát của nước ta phân bố tập trung ở

**A.** vùng núi cao. **B.** ven vịnh biển.

**C.** vùng cao nguyên. **D.** vùng lương thực.

**Câu 39:** Tài nguyên được sử dụng cho tổ hợp nhà máy điện có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay là

**A.** than đá. **B.** dầu mỏ. **C.** khí đốt. **D.** thủy năng.

**Câu 40:** Ngành nào sau đây **không** thuộccông nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

**A.** Sản xuất rượu, bia, nước ngọt. **B.** Dệt- may.

**C.** Chế biến chè, cà phê, thuốc lá. **D.** Chế biến gạo, ngô xay xát.

**Câu 41 :** Nguồn cung cấp điện lớn nhất của nước ta hiện nay là

**A.** nhiệt điện. **B.** điện Mặt Trời. **C.** điện nguyên tử. **D.** thủy điện.

**Câu 42:** Vùng nào ở nước ta có lợi thế nhất để phát triển ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Duyên Hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng Sông Cửu Long.

**Câu 43:** Các nhà máy nhiệt điện ở phía Bắc nước ta hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn nhiên liệu từ

**A.** khí đốt. **B.** than đá. **C.** năng lượng mới. **D.** dầu nhập.

**Câu 44:** Công nghiệp chế biến cà phê phân bố chủ yếu ở các vùng nào sau đây?

**A.** Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.

**C.** Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ. **D.** Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

**Câu 45:** Thủy điện là sản phẩm của ngành công nghiệp

**A.** hóa chất. **B.** cơ khí. **C.** luyện kim. **D.** năng lượng.

**Câu 46:** Nhà máy điện sử dụng nguồn nhiên liệu than ở nước ta là

**A.** Bà Rịa. **B.** Cà Mau. **C.** Phú Mỹ. **D.** Phả Lại.

**Câu 47:** Pho mát là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến sản phẩm

**A.** trồng trọt. **B.** chăn nuôi. **C.** thủy hải sản. **D.** bô xít.

**Câu 48:** Nhà máy nhiệt điện chạy bằng than có công suất lớn nhất nước ta là

**A.** Ninh Bình. **B.** Na Dương. **C.** Phả Lại. **D.** Uông Bí.

**Câu 49:** Công nghiệp năng lượng ở nước ta được chia thành

**A.** 4 phân ngành. **B.** 2 phân ngành.

**C.** 5 phân ngành. **D.** 3 phân ngành.

**Câu 50:** Than bùn ở nước ta phân bố chủ yếu ở

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 51:** Tiềm năng thuỷ điện lớn nhất của nước ta tập trung trên hệ thống sông

**A.** Sông Mã. **B.** Sông Thái Bình. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Hồng.

**Câu 52:** Tiềm năng thủy điện nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng

**A.** Duyên hải miền Trung. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 53:** Công nghiệp chế biến thủy hải sản của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 54:** Khí tự nhiên ở nước ta được dùng làm nhiên liệu cho

**A.** điện mặt trời. **B.** nhiệt điện. **C.** thủy điện. **D.** điện gió.

**Câu 55:** Cơ sở nhiên liệu của nhà máy điện Bà Rịa, Phú Mỹ và Cà Mau là

**A.** than đá. **B.** dầu. **C.** than bùn. **D.** khí tự nhiên.

**Câu 56:** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm tập trung tại vùng đồng bằng do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Lao động dồi dào. **B.** Cơ sở hạ tầng hiện đại.

**C.** Nguyên liệu dồi dào. **D.** Vị trí địa lí thuận lợi.

**Câu 57:** Dầu khí của nước ta tập trung ở

**A.** thềm lục địa. **B.** trung du. **C.** đồng bằng. **D.** miền núi.

**Câu 58:** Năng lượng tái tạo ở nước ta là

**A.** than đá. **B.** bức xạ mặt trời. **C.** dầu mỏ. **D.** than nâu.

**Câu 59:** Nhà máy thuỷ điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là

**A.** Hoà Bình. **B.** Yaly. **C.** Trị An. **D.** Sơn La.

**Câu 60 :** Ngành công nghiệp nào sau đây của nước ta cần phát triển đi trước một bước?

**A.** Cơ khí. **B.** Điện tử. **C.** Năng lượng. **D.** Hóa chất.

**II. CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**

**Câu 1: Cho thông tin, chọn đúng/sai cho các ý a,b,c,d sau đây:**

Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6-7-2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, ngành công nghiệp (cấp 1) gồm 4 nhóm với 34 ngành (cấp 2). Đó là các nhóm công nghiệp khai khoáng (5 ngành); nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo (24 ngành); nhóm công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (1 ngành) và nhóm công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải (4 ngành).

a) Cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta hiện nay tương đối đa dạng và đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Xu hướng phát triển của công nghiệp nói chung là khai thác tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên sẵncó của đất nước.

c) Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu vì có số ngành nhiều nhất.

d) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hiện nay là kết quả của việc chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc phòng.

**Câu 2: Cho bảng số liệu, chọn đúng/sai cho các ý a,b,c,d sau đây:**

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **2010** | **2015** | **2021** |
| TD&MN Bắc Bộ | 3,3 | 9,4 | 11,7 |
| Đồng bằng sông Hồng | 28,5 | 32,4 | 37,9 |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ | 8,6 | 8,6 | 9,7 |
| Tây Nguyên | 1,0 | 0,9 | 0,8 |
| Đông Nam Bộ | 49,0 | 39,5 | 31,7 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 9,6 | 9,2 | 8,2 |

*(Nguồn: Sách Địa lí 12, Bộ sách Cánh Diều)*

a) Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Đông Nam Bộ luôn cao nhất.

b) Trong giai đoạn 2010 - 2021, tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các vùng đều có xu hướng tăng.

c) Các vùng có lợi thế về vị trí địa lí, giao thông, tài nguyên và nguồn lao động chất lượng cao có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao hơn.

d) Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta chủ yếu do tác động của xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành và chiến lược phát triển công nghiệp của đất nước.

**Câu 3: Cho bảng số liệu, chọn đúng/sai cho các ý a,b,c,d sau đây:**

**SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIA ĐOẠN 2010-2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Năm****Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Sản lượng điện) tỉ kWh) | 91,7 | 157,9 | 244,9 |
| Cơ cấu sản lượng điện (%) |
| - Thủy điện | 38,0 | 34,2 | 30,6 |
| - Nhiệt điện | 56,0 | 63,8 | 56,2 |
| - Năng lượng tái tạo | 0 | 0 | 12,3 |
| - Nguồn khác | 6,0 | 2,0 | 0,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016-2022)*

a) Sản lượng điện của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2021.

b) Cơ cấu sản lượng điện phân bố không đều giữa các nguồn năng lượng.

c) Thủy điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

d)Sản lượng điện tăng liên tục do nhu cầu ngày càng lớn của sản xuất và đời sống.

**Câu 4: Cho bảng số liệu, chọn đúng/saic ho các ý a,b,c,d sau đây:**

Khu công nghiệp được thành lập đầu tiên của nước ta là khu chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 1991. Giai đoạn 2016 - 2021, các khu công nghiệp ở nước ta đóng góp 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, tạo việc làm cho khoảng 3,8 triệu lao động.

a) Các khu công nghiệp được hình thành và phát triển gắn với công cuộc Đổi mới, mở cửa nền kinh tế của nước ta.

b) Mục tiêu quan trọng nhất của khu công nghiệp là tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp lớn, phục vụ nhu cầu trong nước.

c) Vai trò nổi bật của khu công nghiệp là thu hút dầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nguồn thu ngân sách.

d) Khu công nghiệp gồm nhiều loại hình, được phát triển theo hướng giảm tiêu hao năng lượng, hạn chế phát thải khí nhà kính, được quản trị theo mô hình Chính phủ số.

**Câu 5: Cho biểu đồ, chọn đúng/sai cho các ý a,b,c,d sau đây:**



SẢN LƯỢNG THAN SẠCH VÀ DẦU THÔ KHAI THÁC CỦA NƯỚC TA

QUA CÁC NĂM 2017, 2019 VÀ 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

**a)** Sản lượng than sạch tăng, sản lượng dầu thô giảm.

**b)** Than sạch và dầu thô đều là nguồn nhiên liệu cho nhiệt điện.

**c)** Sản lượng than sạch tăng do khai thác chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

**d)** Sản lượng dầu thô khai thác giảm do sự biến động của thị trường.

**III. CÂU HỎI TRẢ LỜI NGẮN**

***Cho bảng số liệu, trả lời câu hỏi 1,2***

SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2021** |
| Dầu thô (triệu tấn) | 15,0 | 18,7 | 11,4 | 10,9 |
| Điện (tỉ kWh) | 91,7 | 157,9 | 231,5 | 244,9 |

**Câu 1:** Tính tốc độ tăng trưởng của dầu thô năm 2021 so với năm 2010 (lấy năm 2010 là 100%) (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 2:** Sản lượng điện năm 2021 gấp bao nhiêu lần sản lượng điện năm 2010? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

***Cho bảng số liệu sau, trả lời câu hỏi 3,4***

**SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2020**

*(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Nhà nước | 67 678 | 133 081 | 165 548 | 184202 | 190412 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 7 333 | 12 613 | 19713 | 24100 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 17 535 | 13 432 | 23508 | 20898 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

**Câu 3:** Năm 2020, tổng sản lượng điện phát ra tăng bao nhiêu lần so với tổng sản lượng điện phát ra của năm 2010? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

**Câu 4:** Năm 2020, thành phần có vốn đầu tư nước ngoài chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng sản lượng điện phát ra? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

***Cho bảng số liệu sau, trả lời các câu 5,6,7***

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2021

*(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Năm** **Thành phần kinh tế** | **2010** | **2021** |
| Khu vực kinh tế nhà nước | 636,5 | 846,7 |
| Khu vực kinh tế ngoài nhà nước | 843,6 | 4481,2 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 1565,5 | 7698,8 |
| Tổng | 3045,6 | 13026,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

**Câu 5.** Ti trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 6.** Ti trọng giá trị sản xuất của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2021 đã tăng bao nhiêu % so với năm 2010?

**Câu 7.** Tổng giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta năm 2021 tăng bao nhiêu lần so với năm 2010? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai)

------------------HẾT---------